

Điều 2.— Mỗi quân nhân phục viên về địa phương được hưởng một khoản trợ cấp về sản xuất là 100.000đ (mười vạn đồng).

Điều 3.— Mỗi quân nhân phục viên, tùy theo thời hạn tòng quân nhiều hay ít, được hưởng một khoản trợ cấp về thâm niên như sau :

— Nhập ngũ trong thời gian từ 18-8-1945 trở về trước thì mỗi tháng tại ngũ được cấp 2.400 đồng.

— Nhập ngũ từ 19-8-1945 đến 19-7-1954 thì mỗi tháng tại ngũ được cấp 1.200 đồng.

— Nhập ngũ từ 20-7-1954 về sau thì mỗi tháng tại ngũ được cấp 400 đồng.

Số ngày lễ chưa đủ 30 ngày cũng được tính là một tháng.

Điều 4.— Trợ cấp về chức vụ cho quân nhân phục viên ấn định như sau :

— Tiểu đội phó	: 20.000 đồng
— Tiểu đội trưởng	: 25.000 —
— Trung đội phó	: 30.000 —
— Trung đội trưởng	: 35.000 —
— Đại đội phó	: 40.000 —
— Đại đội trưởng	: 45.000 —
— Tiểu đoàn phó	: 50.000 —

từ tiểu đoàn phó trở lên, cứ lên mỗi cấp thì trợ cấp được tăng 10.000 đồng (một vạn đồng).

Những chiến sĩ từ 5 tuổi quân trở lên được hưởng trợ cấp chức vụ như tiểu đội phó.

Điều 5.— Những quân nhân phục viên sức khỏe còn kém hoặc còn mắc bệnh kinh niên chữa lâu khỏi, được y sĩ chứng nhận là cần được điều dưỡng, ngoài những khoản trợ cấp nói ở điều 2, 3, 4 được hưởng thêm một khoản trợ cấp điều dưỡng từ 1 đến 6 tháng sinh hoạt phí theo tiêu chuẩn quân nhân đó đang hưởng khi còn ở trong quân đội, hoặc một khoản trợ cấp hàng tháng là 12.000đ (một vạn hai nghìn đồng) trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

Điều 6.— Các thứ chăn, màn, áo ấm, được đổi trước niên hạn 6 tháng.

Điều 7.— Đối với những quân nhân phạm kỷ luật bị tước quân tịch và bị khai trừ ra khỏi quân đội, thì không được hưởng những quyền lợi như quân nhân phục viên mà chỉ được cấp :

— Một khoản trợ cấp về sản xuất nói ở điều 2.

— Tiền tàu xe, tiền ăn trong những ngày đi đường.

— Được mang theo quân trang và những giấy tờ cần thiết.

Điều 8.— Nghị định này thay thế cho tất cả các nghị định trước về vấn đề trợ cấp đối với quân nhân phục viên và bắt đầu thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1957.

Điều 9.— Các đồng chí Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục cán bộ và Chủ nhiệm Tổng cục hậu cần chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Ngày 22 tháng 6 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Thủ trưởng

HOÀNG ANH

BỘ GIÁO DỤC

NGHỊ ĐỊNH số 531-QĐ ngày 20-6-1957
mở một kỳ thi tuyển học sinh vào các trường chuyên nghiệp trung cấp niên khóa 1957—1958.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Theo đề nghị của ông Giám đốc Vụ Đại học và chuyên nghiệp về việc tuyển học sinh vào các trường chuyên nghiệp Trung cấp cho niên khóa 1957—1958 ;

Sau khi được Bộ Nội vụ, các Bộ có trường chuyên nghiệp trung cấp đồng ý và được Thủ tướng phủ chuẩn y,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1.— Nay mở một kỳ thi tuyển học sinh vào các trường chuyên nghiệp trung cấp niên khóa 1957—1958. Những thí sinh được dự kỳ thi này là :

— học sinh các trường phổ thông,

— học sinh tự do,

— cán bộ, nhân viên và quân đội được cơ quan chọn cho đi học hoặc cho thôi việc để đi học.

Điều 2.— Những thí sinh phải có đủ những điều kiện sau đây :

— Phải tốt nghiệp lớp 7 phổ thông hoặc hiện đương học các lớp cao hơn. Cán bộ, nhân viên và quân đội phải có học lực tương đương từ lớp 7 trở lên.

— Phải có đủ sức khỏe, không mắc bệnh kinh niên hoặc truyền nhiễm.

— Phải có tuổi tối thiểu là 18 hoặc có thể tuổi cao hơn do các trường định cho thích hợp.

Điều 3.— Thí sinh là cán bộ, nhân viên, quân đội và thí sinh là người dân tộc thiểu số được chiếu cố như sau :

a) Cán bộ, nhân viên có 5 năm thâm niên trong biên chế được cơ quan chọn đi học tại một trường chuyên nghiệp thuộc ngành mình mở, thì được tăng thêm 15% về tổng số điểm trung bình các bài thi.

b) Cán bộ, nhân viên có 5 năm thâm niên trong biên chế được cơ quan cho phép đi học tại

một trường thuộc ngành khác thì được tăng thêm 10% về tổng số điểm trung bình các bài thi.

c) Cán bộ, nhân viên người dân tộc thiểu số dù chưa đủ thâm niên 5 năm trong biên chế và học sinh người dân tộc thiểu số được tăng thêm 15% về tổng số điểm trung bình các bài thi.

Điều 4.— Ngày thi thống nhất để tuyển học sinh cho các trường chuyên nghiệp trung cấp sẽ ấn định sau.

Điều 5.— Ông Chánh văn phòng Bộ Giáo dục và ông Giám đốc Vụ Đại học và Chuyên nghiệp chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 20 tháng 6 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN VĂN HUYỀN

BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

THẺ LỆ TẠM THỜI số 154-NĐ ngày 21-6-1957 về việc giao nhận, bốc dỡ hàng hóa ở các Cảng của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1.— *Mục đích*: Bản thể lệ này quy định việc giao nhận, bốc dỡ, lưu kho những hàng hóa qua Cảng (hàng xuất nhập khẩu và hàng chuyên chở trong nước) và quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi của người có hàng cũng như của Cảng vụ.

Điều 2.— *Hàng xuất nhập khẩu phải qua Cảng*: Tất cả những hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, bắt buộc phải qua những Cảng đã chính thức mở cho sự thông thương với quốc tế.

Điều 3.— *Nhiệm vụ của Cảng*: Tất cả những hàng hóa xuất nhập khẩu qua Cảng đều do Cảng tiếp nhận bốc dỡ, bảo quản rồi chuyển xuống tàu hoặc giao cho người có hàng.

Điều 4.— *Kiểm tra của Hải quan*: Hàng hóa xuất nhập khẩu, sau khi đã làm xong mọi thủ tục Hải quan, mới được chuyển xuống tàu (hàng xuất) hay đưa ra khỏi cảng, giao cho người có hàng (hàng nhập) và suốt trong thời gian để ở Cảng phải chịu sự kiểm soát của Hải quan.

CHƯƠNG II

KIỂM HÀNG

Điều 5.— *Kiểm hàng và kết toán*: Khi bốc dỡ hàng hóa ở tàu lên bờ hoặc ở trên bờ xuống tàu, Cảng phải cùng với nhân viên giao nhận của tàu

kiểm lại hàng. Bốc dỡ xong một chuyến hàng, Cảng phải kết toán với tàu. Khi kiểm hàng cũng như khi kết toán đều phải có nhân viên Hải quan chứng kiến.

Điều 6.— *Biên bản hàng thừa thiếu, hư hỏng*: Trong khi kiểm hàng nếu phát hiện ra hàng thừa thiếu, hư hỏng v.v... Cảng phải cùng với thuyền trưởng, người có hàng và Hải quan lập biên bản.

CHƯƠNG III

BỐC DỠ HÀNG

Điều 7.— *Độc quyền bốc dỡ hàng của Cảng vụ*: Mọi công việc bốc dỡ, chuyên vận hàng hóa trong phạm vi cảng là độc quyền của Cảng vụ, người có hàng không được đem công nhân ngoài vào làm việc trong Cảng.

Cảng vụ còn chủ động trong việc bốc dỡ và trong những trường hợp cần thiết, có quyền thay đổi kế hoạch bốc dỡ để giải phóng cầu tàu hay kho hàng.

Điều 8.— *Chuyên vận hàng từ cầu ra tàu đầu ở phao và ngược lại*: Nếu tàu không cập được cầu hàng mà phải đậu ở phao hoặc neo ở ngoài xa để lên xuống hàng hóa, hàng phải chở bằng sà-lan hay thuyền từ tàu vào cầu hoặc từ cầu ra tàu, Cảng vụ cũng đảm nhiệm việc chuyên chở. Trong trường hợp này, ngoài tiền bốc dỡ theo giá biểu khoán đã quy định người có hàng còn phải trả tiền thuê phương tiện vận tải, tiền công cho cán bộ công nhân trong thời gian đi đến nơi làm việc và từ đó trở về căn cứ sau khi bốc dỡ xong.

Điều 9.— *Nội dung công việc bốc dỡ*: Bốc dỡ hàng hóa ở Cảng gồm những công việc sau đây:

a) Hàng nhập:

— Loại hàng để ở kho, bãi của Cảng rồi mới giao đi: công việc bắt đầu từ dỡ hàng trên tàu xuống đưa về kho, bãi cho đến khi bốc xếp lên xe lửa, ô tô hay xuống sà-lan để giao cho người có hàng.

— Loại hàng giao thẳng cho chủ hàng: công việc bắt đầu từ dỡ hàng trên tàu xuống đến lúc xếp lên xe lửa, ô tô hay xếp xuống sà-lan để giao cho người có hàng.

— Nếu là dầu xăng, dầu mazout, dầu hỏa chở trên không đóng thùng, công việc bắt đầu từ chuyên dầu ở tàu ra cho đến lúc dỡ xong vào bể chứa.

b) Hàng xuất:

— Hàng để ở kho, bãi của Cảng: công việc bắt đầu từ bốc hàng do xe lửa, ô tô hoặc sà-lan đưa đến Cảng, xếp vào kho, bãi cho đến khi xếp lên tàu.